



BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức
Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại: 28 38960087; Số Fax: 028 38968161
Email: ptchc.cdxd2@gmail.com; Website: hcc2.edu.vn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CẤP THOÁT NƯỚC
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2023

TpHCM, tháng 08 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG BÁO CÁO

	Trang
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	4
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP. HCM, TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGÀNH NƯỚC TẠI MIỀN NAM.....	5
1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM	5
2. Thông tin khái quát về Trung tâm đào tạo ngành nước tại miền nam	5
2.1. Thông tin khái quát về Trung tâm Đào tạo ngành nước.....	5
2.1.1. Quá trình thành lập và phát triển.....	5
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ	6
2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trung tâm	7
2.2.1. Cơ cấu tổ chức.....	7
2.2.2. Nhân sự:	7
2.3. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy nghề Cấp Thoát nước	7
2.4. Các ngành nghề đào tạo của Trung tâm nước:.....	7
2.5. Cơ sở vật chất của Trung tâm	8
2.5.1. Phòng học, nhà xưởng	8
2.5.2. Thiết bị đào tạo.....	8
2.6. Thành tích của Trung tâm.....	8
3. Thông tin về chương trình đào tạo nghề Cấp Thoát nước.....	8
3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	8
3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	9
3.2.1. Mục tiêu chung:.....	9
3.2.2. Mục tiêu cụ thể:.....	10
3.3. Yêu cầu về kiến thức	10
3.3.1. Kiến thức chung:	10
3.3.2. Kiến thức chuyên môn:.....	10
3.4. Yêu cầu về kỹ năng	11
3.4.1. Kỹ năng chung:	11

3.4.2. Kỹ năng chuyên môn:	11
3.4.3. Kỹ năng ngoại ngữ:	12
3.4.4. Kỹ năng tin học:	12
3.5. Yêu cầu thái độ (Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm)	12
3.6. Những công việc chính và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	12
3.7. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:	13
3.8. Nội dung chương trình.....	14
PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	16
1. Tổng quan chung	16
1.1 Căn cứ tự đánh giá.....	16
1.2 Mục đích tự đánh giá	16
1.3 Yêu cầu tự đánh giá	16
1.4 Phương pháp tự đánh giá	17
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá:.....	17
2. Tự đánh giá.....	18
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	18
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	23
2.2.1. TIÊU CHÍ 1: <i>Mục tiêu quản lý và tài chính</i>	23
2.2.2. TIÊU CHÍ 2: <i>Hoạt động đào tạo</i>	31
2.2.3. TIÊU CHÍ 3: <i>Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</i>	46
2.2.4. TIÊU CHÍ 4: <i>Chương trình, giáo trình</i>	60
2.2.5. TIÊU CHÍ 5: <i>Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</i>	80
2.2.6. TIÊU CHÍ 6: <i>Dịch vụ cho người học</i>	95
2.2.7. TIÊU CHÍ 7: <i>Giám sát, đánh giá chất lượng</i>	103
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP. HCM.....	113
PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	113
PHỤ LỤC	115

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Từ viết tắt
Bộ Lao động - TB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
BGH	Ban giám hiệu
CBVC	Cán bộ viên chức
GV	Giáo viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CNVC	Công nhân viên chức
NLĐ	Người lao động
CB-CNV	Cán bộ - Công nhân viên
BCH	Ban chấp hành
UBND	Ủy ban nhân dân
CD, TC	Cao đẳng, Trung cấp
CNH, HĐH	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
CSGDNN	Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp
GDCT	Giáo dục chính trị
HSSV	Học sinh, sinh viên
CHSSV	Cựu học sinh, sinh viên
DN	Doanh nghiệp
MC	Minh chứng
NĐ- CP	Nghị định – Chính phủ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
TCN	Trung cấp nghề
MH, MĐ	Môn học, mô đun
KTX	Ký túc xá
THPT	Trung học phổ thông
THCS	Trung học cơ sở

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP. HCM, TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGÀNH NƯỚC TẠI MIỀN NAM

1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM

1.1. Tên: TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1.2. Tên Tiếng Anh: HO CHI MINH CITY COLLEGE OF CONSTRUCTION

1.3. Cơ quan chủ quản: Bộ Xây Dựng

1.4. Địa chỉ trường: 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

1.5. Số điện thoại: 28 38960087- 028 38962938

1.6. Số Fax: 028 38968161

1.7. Email: ptchc.cdxd2@gmail.com

1.8. Website: hcc2.edu.vn

1.9. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1976

- Năm thành lập TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: 2017

1.10. Loại hình trường: Công lập ☒; Tư thục ☐

2. Thông tin khái quát về Trung tâm đào tạo ngành nước tại miền nam

Trung tâm Đào tạo Ngành nước tại miền Nam là đơn vị phụ trách chương trình đào tạo nghề Cấp Thoát nước bậc Cao đẳng, Trung Cấp, Sơ Cấp.

2.1. Thông tin khái quát về Trung tâm Đào tạo ngành nước

- Tên: **Trung tâm Đào tạo ngành Nước tại Miền Nam**

- Là đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM.

- Địa chỉ: 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thới, TP. Thủ Đức, TpHCM.

- Số điện thoại: 028.3722 0091

- Số Fax: 028 38968161

Email: ttn.cdxd2@gmail.com

2.1.1. Quá trình thành lập và phát triển

Trung tâm Đào tạo Ngành nước tại miền Nam được thành lập theo Quyết định số 1999/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng. Trung tâm được Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đầu tư tài trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Song song sự hình thành và phát triển của Trung tâm đào tạo ngành nước tại Miền Nam thì trường cũng tách bộ môn Cấp thoát nước từ Khoa Xây dựng và tổ chức đào tạo chuyên ngành Cấp thoát nước. Năm 2008, Trường thành lập Khoa Cấp thoát nước và đơn vị này phụ trách chương trình đào tạo ngành Cấp Thoát nước hệ trung cấp và Cao đẳng.

Năm 2017: Sát nhập Khoa Cấp Thoát nước vào trung tâm Đào tạo ngành Nước tại Miền nam, Khi đó Trung tâm có 12 giảng viên cơ hữu.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ

a. Chức năng:

Trung tâm Đào tạo ngành nước tại Miền Nam giúp Hiệu trưởng thực hiện chức năng đào tạo thực hành, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ; quản lý khai thác phòng thí nghiệm, xưởng thực hành phục vụ thí nghiệm, học thực hành cho các đối tượng có nhu cầu trong, ngoài Trường và tổ chức các hoạch động đào tạo dịch vụ tư vấn khác.

Là đơn vị quản lý chuyên môn ngành Cấp thoát nước của Trường, trực tiếp quản lý toàn diện quá trình tổ chức, phục vụ đào tạo theo lĩnh vực chuyên môn.

Quản lý, tổ chức giảng dạy và biên soạn chương trình, giáo trình các môn cơ sở, chuyên ngành Cấp Thoát nước cho các bậc đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp, Cao đẳng liên thông và các hệ đào tạo chính quy, không chính quy trong trường và liên kết ngoài trường.

b. Nhiệm vụ:

Xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo, các đề án chuyên môn, chuyên ngành, đề tài khoa học công nghệ được Trường giao nhiệm vụ;

Quản lý một hoặc nhiều ngành đào tạo: Xây dựng chương trình, đề cương chi tiết, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của Trường, phù hợp bối cảnh thực tiễn địa phương và theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập;

Phối hợp xây dựng kế hoạch đào tạo chung của trường, thực hiện kế hoạch đào tạo được ban hành, đôn đốc việc tổ chức đào tạo theo kế hoạch và thời khóa biểu của Trường;

Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động;

Thực hiện các hoạt động khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học - công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa;

Phân công, kiểm soát việc làm, công việc và đánh giá, xếp loại chất lượng nhà giáo, thư ký của trung tâm;

Tham gia việc đánh giá chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu của Hiệu trưởng;

Tham gia với Phòng Tuyển sinh - Công tác Sinh viên học sinh và phòng Đào tạo để quản lý người học;

Lấy ý kiến người học về nhà giáo và chương trình đào tạo;
Sử dụng cơ sở vật chất của Trường cấp để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học;

Thực hiện công tác lưu trữ, thống kê phục vụ công tác quản lý đào tạo và hoạt động của khoa;

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao.

2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trung tâm

2.2.1. Cơ cấu tổ chức

- Cơ cấu tổ chức: Lãnh đạo (Giám đốc, phó giám đốc)
- Cấp lãnh đạo Trung tâm thực hiện nhiệm vụ điều hành, quản lý và tổ chức các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ khác của Trung tâm nước được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Đào tạo ngành Nước tại Miền Nam.

2.2.2. Nhân sự:

Trung tâm nước hiện có 5 người. Trình độ đào tạo cụ thể như sau:

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Thạc sĩ	03	01	05
Đại học	01	00	01
Tổng số	04	01	05

2.3. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy nghề Cấp Thoát nước

Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy nghề Cấp Thoát nước là 79 giảng viên, trong đó 65 giảng viên giảng dạy các môn cơ sở và chuyên môn, 14 giảng viên giảng dạy môn chung, tất cả là giảng viên cơ hữu của Trường.

- Trong 65 giảng viên tham gia giảng dạy nghề Cấp Thoát nước có 49 giảng viên trình độ Thạc sĩ; 15 giảng viên trình độ Đại học, 1 giáo viên trình độ trung cấp. 14 giảng viên giảng dạy môn chung có 11 giảng viên trình độ Thạc sĩ; 03 giảng viên trình độ Đại học

2.4. Các ngành nghề đào tạo của Trung tâm nước:

TT	Tên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo
1	Cấp Thoát nước	Cao đẳng
		Trung cấp

TT	Tên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo
2	Cấp Thoát nước	Sơ Cấp

2.5. Cơ sở vật chất của Trung tâm

2.5.1. Phòng học, nhà xưởng

Trung tâm nước hiện có 1 khu xưởng thực hành và 01 phòng lý thuyết được bố trí trong dãy xưởng thực hành tại cơ sở 2 và các phòng học lý thuyết tại dãy B, C tại cơ sở 1.

2.5.2. Thiết bị đào tạo

Thiết bị đào tạo của trung tâm Đào tạo ngành Nước tại Miền nam được trang bị từ những năm 2001 và bổ sung hàng năm theo dự án hoặc chương trình mục tiêu. Tất cả đều được bố trí trong xưởng thực hành của Trung tâm Nước:

- Phòng TH Mô hình xử lý nước và học lý thuyết;
- Khu thực hành Lắp đặt thiết bị;
- Sân thực hành lắp đặt đường ống.

2.6. Thành tích của Trung tâm

Là một trong những đơn vị tiêu biểu của Nhà trường trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho thị trường lao động. Qua quá trình hoạt động lâu dài, Trung tâm nước đã đúc kết được nhiều kiến thức, kinh nghiệm có giá trị trong tổ chức đào tạo, có bước chuyển mình mạnh mẽ trong định hướng, phương pháp giảng dạy, xây dựng và phát triển cả về chuyên môn lẫn cơ sở vật chất cho đến chất lượng đào tạo, đã tạo dựng “thương hiệu” sản phẩm nghề Cấp Thoát nước luôn được các doanh nghiệp đón nhận, điều đó khẳng định qua kết quả 100% HSSV ngành Cấp Thoát nước ra trường có việc làm.

Trong nhiều năm, Trung tâm nước được công nhận Tập thể lao động xuất sắc, nhiều giảng viên đạt các danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp, khen thưởng các cấp như cấp ngành và cấp cơ sở.

3. Thông tin về chương trình đào tạo nghề Cấp Thoát nước

3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM tiền thân là Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM được thành lập năm 1999. Năm 2017, Bộ Xây dựng quyết định đổi tên trường thành Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM, Trung tâm Đào tạo Ngành nước tại miền Nam được thành lập theo Quyết định số 1999/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng. Trung tâm được Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhận Bản (JICA) đầu tư tài trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, Khoa Cấp Thoát nước được thành lập năm 2008 với tiền thân là Bộ môn Cấp thoát nước. Năm 2017, Khoa Cấp Thoát nước sáp nhập

vào Trung tâm Đào tạo ngành Nước tại Miền nam nhằm nâng cao năng lực đào tạo doanh nghiệp và phát triển ngành Cấp Thoát nước, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Hiện nay, Trung tâm nước xây dựng chương trình đào ngành Cấp thoát nước với 2 hệ Trung cấp và Cao đẳng.

Cùng với sự phát triển của các nghề kỹ thuật được đào tạo hiện nay tại trường qua từng giai đoạn, chương trình đào tạo nghề Cấp Thoát nước được phát triển từ chương trình đào tạo trung Cấp Cấp Thoát nước,... truyền thống và lâu đời; đội ngũ giảng viên có tay nghề cao. Đồng thời, ngành Cấp Thoát nước hiện đang trong giai đoạn phát triển mạnh luôn luôn đòi hỏi nguồn nhân lực có thể thiết kế, vận hành và thi công các công trình như: Mạng cấp, Mạng thoát, Trạm xử lý nước Cấp, trạm xử lý nước thải, vận hành trạm xử lý nước, Vận hành mạng lưới Cấp nước..., Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo người học đã có thể tìm được một vị trí việc làm với chức danh xứng đáng trong các Công ty ngành nước, Các nhà máy xử lý nước Cấp, nước Thải, Công ty Xây dựng, Trạm cấp nước sạch,... Đây chính là những ảnh hưởng đến sự thay đổi, điều chỉnh chương trình đào tạo nghề Cấp Thoát nước phù hợp với thực tiễn đào tạo của trường hiện nay. Hàng năm Trung tâm vận động và tạo điều kiện để các Giảng viên tham gia tham quan, học tập, trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn.

Về chương trình đào tạo nghề Cấp Thoát nước, Trung tâm cũng luôn cập nhật các kiến thức mới, các công nghệ mới đưa vào giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội các công ty trong và ngoài nước. Trong xây dựng chương trình đào tạo khoa cũng kết hợp với các doanh nghiệp đóng góp các ý kiến nhằm hoàn thiện chương trình. Nhằm nâng cao kiến thức kỹ năng tay nghề cho HSSV, vừa học tập và làm việc trực tiếp ra các sản phẩm trải nghiệm môi trường làm việc tại các nhà máy xử lý, công ty với các trang thiết bị máy móc hiện đại phong phú đa dạng.

3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo chuyên ngành Cấp Thoát nước trình độ cao đẳng nhằm mục đích trang bị cho người học sự phát triển toàn diện, có phẩm chất chính trị và có tư cách đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe, tạo điều kiện cho người học sau khi tốt nghiệp. Có khả năng tìm việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, có hiểu biết cơ bản về đường lối chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước, đáp ứng được các yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước, có chuyên môn vững vàng. Sau khi hoàn thành chương trình học sinh viên có thể học tiếp lên Đại học cùng chuyên ngành hoặc các ngành liên quan.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể:

Từ mục tiêu chung đã đề ra, chương trình đào tạo ngành Cấp thoát nước sẽ trang bị cho người học các mục tiêu cụ thể như sau:

Mục tiêu 1: Hình thành nền tảng vững chắc về kiến thức chính trị, pháp luật, an ninh - quốc phòng,... và kiến thức cơ sở ngành.

Mục tiêu 2: Vận dụng thành thạo các kỹ năng tự học, kỹ năng giải quyết vấn đề, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp và tư duy sáng tạo.

Mục tiêu 3: Giao tiếp hiệu quả, biết tổ chức, quản lý và làm việc nhóm.

Mục tiêu 4: Vận hành tốt các năng lực hình thành ý tưởng, lên kế hoạch, triển khai, giám sát, đánh giá.

Mục tiêu 5: Có khả năng nắm bắt các nhu cầu xã hội, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp

3.3. Yêu cầu về kiến thức

3.3.1. Kiến thức chung:

- CĐR 1: Trình bày được những kiến thức cơ bản về: chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất theo quy định.

- CĐR 2: Tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo, phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

3.3.2. Kiến thức chuyên môn:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo sinh viên nắm vững kiến thức về cơ sở ngành và chuyên ngành:

- CĐR 3: Trình bày được các quá trình hóa học, sinh học, thủy lực và nguyên lý làm việc trong các hệ thống cấp nước, thoát nước và môi trường nước.

- CĐR 4: Tính toán, xác định được nhu cầu, quy mô dùng nước; lựa chọn nguồn cấp nước, tính toán công trình thu và trạm bơm.

- CĐR 5: Trình bày được công nghệ xử lý nước cấp cho sinh hoạt và công nghiệp, tính toán thiết kế nhà máy nước vừa và nhỏ; tính toán được các công trình đơn vị trong nhà máy xử lý nước cấp công suất lớn.

- CĐR 6: Trình bày được công nghệ Xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp: Thành phần, tính chất của nước thải; tác động, ảnh hưởng của nước thải đối với môi trường; công nghệ, công trình xử lý nước thải, tính toán thiết kế nhà máy nước thải.

- CĐR 7: Đề xuất được các giải pháp cấp nước đô thị; Tính toán thiết kế mạng lưới, phân biệt được các thiết bị và công trình trên mạng lưới cấp nước, các công trình điều hòa và dự trữ nước, quản lý kỹ thuật mạng lưới cấp nước và các công trình trên mạng lưới cấp nước.

- CĐR 8: Đề xuất được các giải pháp thoát nước đô thị; Trình bày được tổng quan về hệ thống thoát nước, tính toán thiết kế mạng lưới thoát nước đô thị và công nghiệp, quản lý mạng lưới thoát nước.

- CĐR 9: Đề xuất và trình bày được giải pháp, lựa chọn giải pháp và công nghệ cấp và thoát nước cho công trình dân dụng hoặc công nghiệp.

- CĐR 10: Trình bày được phương pháp lắp đặt công nghệ, lắp ráp và đấu nối các thiết bị trong hệ thống xử lý nước, hệ thống Cấp, thoát nước trong công trình và hệ thống Cấp thoát nước đô thị.

3.4. Yêu cầu về kỹ năng

3.4.1. Kỹ năng chung:

- CĐR 11: Sinh viên có khả năng nhận thức, tư duy sáng tạo để xác định, phân tích và đánh giá thông tin trong phạm vi rộng; truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác liên quan tới công việc trong hoạt động chuyên môn của mình.

3.4.2. Kỹ năng chuyên môn:

Trong quá trình học tập sinh viên lựa chọn hướng phát triển ngành nghề sau khi tốt nghiệp phù hợp với bản thân và mong muốn đạt được theo các nhóm sau.

- CĐR 12: Đọc được bản vẽ xây dựng, cấp thoát nước và các tài liệu liên quan;

- CĐR 13: Vẽ được các bản vẽ thi công chuyên ngành;

- CĐR 14: Vận hành và quản lý kỹ thuật được Trạm xử lý nước vừa và nhỏ, vận hành các công trình đơn vị trong nhà máy xử lý nước lớn. Quản lý và xây dựng kế hoạch bảo dưỡng mạng lưới cấp nước, thoát nước. Quản lý kỹ thuật hệ thống cấp thoát nước công trình nhà cao tầng. phòng chống thất thoát nước trong mạng lưới cấp nước đô thị;

- CĐR 15: Sử dụng được các thiết bị, phần mềm phục vụ công tác giám sát, quản lý kỹ thuật và vận hành các công trình cấp thoát nước;

- CĐR 16: Lắp đặt các thiết bị sử dụng nước và thu nước trong các tòa nhà;

- CĐR 17: Lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghệ trong trạm xử lý nước cấp, nước thải;

- CĐR 18: Bóc tách khối lượng và lập dự toán.

- CĐR 19: Định vị tuyến ống trong nhà và đô thị, Có kỹ năng đo bằng thước cá nhân, có kỹ năng đọc hiểu số đo trong trắc đạc.

- CĐR 20: Sử dụng thành thạo các dụng cụ cầm tay, thiết bị thi công;

- CĐR 21: Thành thực lấy dấu, uốn, hàn gia công phụ kiện, mối nối;

- CĐR 22: Lắp đặt đường ống hệ thống cấp thoát nước trong công trình, Mạng lưới cấp thoát nước đô thị, lắp đặt thiết bị và đường ống công nghệ trong các công trình xử lý nước cấp, xử lý nước thải theo bản vẽ thiết kế;

- CĐR 23: Tổ chức thi công trên công trường;
- CĐR 24: Kỹ năng Giám sát thi công công trình Cấp thoát nước, lắp đặt công nghệ xử lý nước.

3.4.3. Kỹ năng ngoại ngữ:

- CĐR 25: Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề

3.4.4. Kỹ năng tin học:

- CĐR 26: Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

3.5. Yêu cầu thái độ (Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm)

- CĐR 27: Có năng lực làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ vào trong công việc, giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế khi thực hiện công việc, có tác phong công nghiệp, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, quy phạm và kỷ luật lao động;

- CĐR 28: Có năng lực quan sát, hướng dẫn những người khác thực hiện nhiệm vụ; giám sát, đánh giá chất lượng công việc sau hoàn thành của bản thân và các thành viên trong nhóm;

- CĐR 29: Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; có trách nhiệm xã hội và tôn trọng đa dạng văn hóa.

- CĐR 30: Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, thẳng thắn. Nhận thức được nhu cầu học tập suốt đời và có kỹ năng để duy trì, cải thiện các kỹ năng mềm.

3.6. Những công việc chính và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo sinh viên làm được những việc như sau:

- + Quản lý kỹ thuật, vận hành các công trình hoặc các đơn vị, doanh nghiệp:
 - Nhà máy xử lý nước cấp, Công trình thu và trạm bơm nước, nhà máy xử lý nước thải đô thị, trạm xử lý nước thải trong khu công nghiệp và nhà máy xí nghiệp, Mạng lưới cấp nước, Mạng lưới thoát nước, trạm bơm thoát nước;
 - Đơn vị quản lý bất động sản, quản lý nhà (vận hành hệ thống cấp thoát nước tòa nhà).
- + Chuyên viên Tư vấn thiết kế công trình tại:
 - Công ty công nghệ môi trường, công ty kinh doanh thiết bị và công nghệ trong lĩnh vực nước và môi trường.;
 - Đơn vị tư vấn thiết kế trong lĩnh vực cấp thoát nước, xây dựng, hạ tầng, công ty thi công trình giao thông.

- + Thi công công trình:
- Các đơn vị thầu thi công công trình xây dựng, hạ tầng, kỹ thuật công trình, cấp thoát nước, môi trường;
- Giám sát thi công các công trình;
- Tổ chức thi công.

3.7. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng học phần:	34 (MĐ)
- Khối lượng kiến thức toàn khoá học:	85 (TC)/2100 (giờ)
- Khối lượng các học phần chung/đại cương:	21 (TC)/435 (giờ)
- Khối lượng các học phần chuyên môn:	64 (TC)/1665 (giờ)
- Tổng khối lượng lý thuyết:	669 (giờ)
- Tổng khối lượng thực hành, thực tập,...:	1311,5 (giờ)
- Thi, kiểm tra:	119,5 (giờ)

3.8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm, Thảo luận, bài tập	Kiểm tra
I	Các học phần chung	21	435	173	239	23
23200101	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
23102102	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
23102101	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4	75	36	35	4
23103104	Tin học	3	75	15	58	2
23800029	Pháp luật	2	30	18	10	2
23300101	Anh văn 1	2	45	15	28	2
23300102	Anh Văn 2	2	45	15	28	2
23300106	Anh văn 3	2	30	28	0	2
II	Học phần chuyên môn	64	1665	496	1072,5	96,5
II.1	Kiến thức cơ sở	18	330	188	123	19
24201104	Hình hoạ -Vẽ kỹ thuật 1	3	60	30	26	4
23900118	Vật liệu xây dựng	3	60	30	27	3
23502102	Sức bền Vật liệu 1	3	45	25	18	2
23700201	Quá trình Hoá lý và Sinh học trong xử lý nước	3	60	34	24	2
23700202	Thủy lực	3	45	41	0	4
23506119	Trắc địa	3	60	28	28	4
II.2	Kiến thức chuyên ngành	40	1200	262	869	69
23700101	Cấp thoát nước công trình	3	60	30	26	4
23402195	Lắp đặt điện công trình	2	60	10	45	5
23700203	Mạng lưới cấp nước	2	30	27	0	3
23700204	Mạng lưới thoát nước	2	30	27	0	3
23700205	Công trình thu, trạm bơm cấp thoát nước	2	45	15	25	5

23700206	Kỹ thuật xử lý nước cấp	3	60	28	30	2
23700207	Đồ án Mạng lưới Cấp nước	1	45	10	32	3
23700208	Kỹ thuật xử lý nước thải	3	60	28	30	2
23700209	Đồ án Mạng lưới Thoát nước	1	45	10	32	3
23700103	Đồ án Cấp thoát nước công trình	1	45	10	30	5
23700111	Lắp đặt đường ống Cấp Thoát nước	2	60	10	45	5
23601104	Dự toán Xây dựng	3	60	25	30	5
23700112	Lắp đặt thiết bị Cấp thoát nước trong công trình	2	60	10	45	5
23506118	Tổ chức thi công	2	45	22	20	3
23700210	Thực tập Doanh nghiệp	3	135	0	132	3
23100120	Thực tập tốt nghiệp	3	135	0	132	3
23700107	Đồ án tốt nghiệp	5	225	0	215	10
II.3	Học phần tự chọn (Chọn 3 học phần trong các môn học sau)	6	135	46	80,5	8,5
24201201	Cấu tạo - bản vẽ chuyên môn	2	45	13	28	4
23501101	Bê tông Cốt thép 1	2	45	19	22,5	3,5
23506112	Kỹ thuật thi công	3	60	36	20	4
23401118	Thực hành tay nghề cơ bản ngành Cấp Thoát nước	2	60	6	47	7
23602101	Giám sát và quản lý khối lượng	2	45	14	30	1
23506101	An toàn lao động	2	30	27	0	3
II.4	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	5	135	15	120	0
23700118	Thiết kế hệ thống Cấp thoát nước	3	75	15	60	0
23700108	Kỹ thuật thi công Cấp thoát nước	2	60	0	60	0
	Tổng cộng	85	2100	669	1311,5	119,5

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1 Căn cứ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ phụ lục công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo mục 2 của Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH, ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- + Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- + Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- + Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- + Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

1.2 Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chương trình, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình trường cao đẳng do Bộ LĐ-TB&XH ban hành, qua đó huy động tất cả các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để đánh giá mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình, đồng thời phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện khắc phục qua đó giúp trường, đơn vị chuyên môn hoạch định chiến lược phát triển trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị dạy nghề đạt chất lượng cao, khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM.

1.3 Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của Khoa, đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình đào tạo.

- Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của Trường.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo phải được công khai trong nội bộ trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4 Phương pháp tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình Cấp Thoát nước trình độ cao đẳng.

1. Căn cứ vào từng tiêu chuẩn của 7 tiêu chí trong Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trường Cao đẳng. Nhà trường lập kế hoạch và phân công các đơn vị thực hiện công tác tự đánh giá, thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

2. Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm khắc phục các tồn tại, nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

3. Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị và gửi hội đồng tự đánh giá của Trường.

4. Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

Thực hiện tự đánh giá chất lượng của Hội đồng đánh giá

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình nhà Trường phê duyệt;

- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo mẫu quy định.

- Lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	2. Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	12
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	0
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	14
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	0
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	22
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	trình đào tạo.		
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	12. Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.		
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	học sau khi tốt nghiệp.		
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng
Ngành Cấp, thoát nước**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 thành Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-CDXD ngày 12/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 66/KH-CDXD ngày 01/2/2023 của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2023;

Xét đề nghị của Trường phòng Khoa học, Hợp tác Quốc tế và Đảm bảo Chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Công nghệ kỹ thuật Cấp, thoát nước gồm có 19 ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Công nghệ kỹ thuật Cấp, thoát nước có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các quy định về việc đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Công nghệ kỹ thuật Cấp, thoát nước năm học 2022-2023 theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại điều 1 và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT, KH-HTQT-ĐBCL.



Ths. Nguyễn Bá Khiêm



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CẤP, THOÁT NƯỚC**

Ban hành kèm theo Quyết định số: 134/QĐ-CDXD ngày 27 tháng 02 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Họ Và Tên	Chức Vụ	Nhiệm Vụ
1	Nguyễn Bá Khiêm	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Vương Đức Hải	GD Trung Tâm Đào Tạo Ngành Nước Miền Nam	Phó chủ tịch Hội đồng
3	Lê Thị Thái Hà	Giảng viên Trung Tâm Đào Tạo Ngành Nước Miền Nam	Thư ký HĐ
4	Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch Hội đồng Trường	Ủy Viên
5	Lê Khắc Toàn	Phó Hiệu Trưởng	Ủy Viên
6	Đặng Hòa Dũng	Giảng viên Trung Tâm Đào Tạo Ngành Nước Miền Nam	Ủy viên
7	Nguyễn Xuân Hoài	Giảng viên Trung Tâm Đào Tạo Ngành Nước Miền Nam	Ủy viên
8	Trần Thanh Quỳnh	Giảng viên Trung Tâm Đào Tạo Ngành Nước Miền Nam	Ủy viên
9	Phạm Thị Lê Vân	Trưởng Phòng Khoa học- HTQT-ĐBCL	Ủy viên
10	Dương Công Đức	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
11	Nguyễn Đình Đa	Trưởng Phòng Tổ chức HC	Ủy viên
12	Huỳnh Phi Tuấn Khanh	Trưởng Phòng TS-CTSVHS	Ủy viên
13	Nguyễn Thị Trang	Trưởng Phòng Tài chính KT	Ủy viên
14	Nguyễn Văn Quý	Trưởng Phòng Quản trị	Ủy viên
15	Vũ Sĩ Tuấn	GD. Trung tâm Đào tạo TH-UDCNXD	Ủy viên
16	Võ Văn Thiệp	GD. Trung tâm TT Thư viện	Ủy viên
17	Lê Xuân Lâm	Chuyên viên phòng Khoa học- HTQT-ĐBCL	Ủy viên
18	Nguyễn Trường Sinh	GD. Công ty TNHH Kỹ thuật NTS	Ủy viên
19	Huỳnh Văn Lâm	Tổng GD Công ty cổ phần CTN Bình Phước	Ủy viên

(Danh sách này gồm 19 người ./.)

7/10/23